Ký bởi: Ủy ban nhân dân Phường Phú Lãm
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Thời gian ký: 17/07/2024 15:55:31

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHÚ LÃM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 1

BIỂU TỔNG HỢP CÁC GCNQSD ĐẤT GHI UBND HUYỆN THANH OAI CẤP NĂM 2002-2003 CÓ TRONG QUYẾT ĐỊNH CẤP GCNQSD ĐẤT, TRONG SỔ THEO DÕI CẤP GCNQSD ĐẤT, VỊ TRÍ ĐẤT TRÊN SỔ MỤC KÊ, BẢN ĐỒ LÀ ĐẤT THỔ CƯ, T, TC

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /07/2024 của UBND phường Phú Lãm)

Đơn vị diện tích: m2

TT	Thông tin ghi trong GCNQSD đất								QĐ cấp GCNQSD Đ của UBND huyện Thanh Oai	Số thứ tự trong sổ theo dõi cấp GCN	Đối chiếu thông tin ghi trong GCNQSD đất với bản đồ, sổ mục kê						Đối chiếu thông tin thửa đất trên hệ thống bản đồ, sổ mục kê, thông tin quy hoạch theo kết quả trích đo thửa đất (VN2000)							Thực hiện nghĩa vụ tài chính	Ngày, tháng, năm lấy ý kiến khu dân cư	Ngày, tháng, năm niêm yết	Ghi chú
	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích	Ngày cấp GCN QSD đất	Số GCN	Số vào sổ GCN			Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê	Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê	Thông tin quy hoạch				
													Đất ở	Vườn tạp	Khác				Đất ở	Vườn tạp	Khác					
1	Nguyễn Cường Văn	Tổ 1	16 (161)	02	58,0	19/11/2003	S 110750		QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Nguyễn Đình Quế	70,0	70,0			Thửa đất 161, tờ bản đồ 2 cư, năm 1997, loại đất TC											
2	Vũ Hồng Minh	Tổ 1	160	02	59,8	02/7/2018	CN 765240	CS-HĐO 18537	QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Nguyễn Bá Phú	70	70			Thửa đất 160, tờ bản đồ 2 cư, năm 1997, loại đất TC											
3	Đào Thị Thu Trang	Tổ 5	130D	4	41,2	6/3/2015	BY 051412	CS-HĐO 00053	Không có danh sách kèm theo QĐ		Hoàng Thị Hồng	678	200	478		Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 4 cư, năm 1997, loại đất ở, VT											Tách ra từ GCN số U 040823 cấp ngày 06/09/2002
4	Đào Thị Thu Trang	Tổ 5	130E	4	41,2	6/3/2015	BY 051413	CS-HĐO 00054	Không có danh sách kèm theo QĐ		Hoàng Thị Hồng	678	200	478		Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 4 cư, năm 1997, loại đất ở, VT											Tách ra từ GCN số U 040823 cấp ngày 06/09/2002
5	Đào Thị Bích Hợp	Tổ 5	130B	4	85,6	6/3/2015	BY 051411	CS-HĐO 00052	Không có danh sách kèm theo QĐ		Hoàng Thị Hồng	678	200	478		Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 4 cư, năm 1997, loại đất ở, VT											Tách ra từ GCN số U 040823 cấp ngày 06/09/2002
6	Đào Thị Thanh Mỹ	Tổ 5	130C	4	43,6	6/3/2015	BY 051415	CS-HĐO 00056	Không có danh sách kèm theo QĐ		Hoàng Thị Hồng	678	200	478		Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 4 cư, năm 1997, loại đất ở, VT											Tách ra từ GCN số U 040823 cấp ngày 06/09/2002
7	An Thị Hương Giang	Tổ 1	37E	02	78,7	6/8/2005	AC 688890	H-00612	QĐ 712 QĐ/UB ngày 06/11/2003		Nguyễn Hữu Sim	1360	200	1160		Thửa đất 37, tờ bản đồ 2 cư, năm 1997, loại đất TC, VT											

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHÚ LÃM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 2

BIỂU TỔNG HỢP CÁC GCNQSD ĐẤT GHI UBND HUYỆN THANH OAI CẤP NĂM 2002-2003 CÓ TRONG QUYẾT ĐỊNH CẤP GCNQSD ĐẤT, TRONG SỔ THEO DÕI CẤP GCNQSD ĐẤT, VỊ TRÍ THỬA ĐẤT TRÊN SỔ MỤC KÊ, BẢN ĐỒ LÀ ĐẤT THỔ CƯ, T, TC NHƯNG TRÊN GCNQSD ĐẤT CÓ SAI SÓT VỀ THÔNG TIN

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /07/2024 của UBND phường Phú Lãm)

Đơn vị diện tích: m2

TT	Thông tin ghi trong GCNQSD đất								QĐ cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Thanh Oai	Số thứ tự trong sổ theo dõi cấp GCN	Đối chiếu thông tin ghi trong GCNQSD đất với bản đồ, sổ mục kê						Dạng nhầm lẫn, sai sót thông tin	Đối chiếu thông tin thửa đất trên hệ thống bản đồ, sổ mục kê, thông tin quy hoạch theo kết quả trích đo thửa đất (VN2000)								Thực hiện nghĩa vụ tài chính	Ngày, tháng, năm lấy ý kiến khu dân cư	Ngày, tháng, năm niêm yết	Ghi chú
	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích	Ngày cấp GCN QSD đất	Số GCN	Số vào sổ GCN			Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê		Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê	Thông tin quy hoạch				
													Đất ở	Vườn tạp	Khác					Đất ở	Vườn tạp	Khác						
1	Nguyễn Bá Văn (Nguyễn Cường Văn)	Tổ 1	77	02	207	9/6/2002	S 005880		Không có danh sách kèm theo QĐ		Nguyễn Bá Tuần	207,0	207,0			Thửa đất 77, tờ bản đồ 2 cư, năm 1997, loại đất TC, VT												

Nguyễn Bá Văn và Nguyễn Cường Văn là một người

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHÚ LÃM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 4

BIỂU TỔNG HỢP CÁC GCNQSD ĐẤT GHI UBND HUYỆN THANH OAI CẤP NĂM 2002-2003 CÓ TRONG QUYẾT ĐỊNH CẤP GCNQSD ĐẤT, TRONG SỔ THEO DÕI CẤP GCNQSD ĐẤT, VỊ TRÍ ĐẤT TRÊN SỔ MỤC KÊ, BẢN ĐỒ KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THỔ CƯ, T, TC NHƯNG ĐÃ ĐƯỢC UBND HUYỆN THANH OAI XỬ LÝ CẤP GCNQSD ĐẤT Ở THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1966/2001/QĐ-UB NGÀY 23/11/2001 CỦA UBND TỈNH HÀ TÂY VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH TẠM THỜI VỀ XỬ LÝ MỘT SỐ VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI ĐỂ CẤP GCNQSD ĐẤT HOẶC ĐÃ ĐƯỢC UBND HUYỆN THANH OAI CÓ QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SANG ĐẤT ỞNHƯNG THÔNG TIN THỬA ĐẤT KHÔNG ĐÚNG VỚI HỆ THỐNG BẢN ĐỒ, SỔ MỤC KÊ VÀ KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC VỊ TRÍ THỬA ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /07/2024 của UBND phường Phú Lãm)

Đơn vị diện tích: m2

TT	Thông tin ghi trong GCNQSD đất								QĐ cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Thanh Oai	Số thứ tự trong sổ theo dõi cấp GCN	Đối chiếu thông tin ghi trong GCNQSD đất với bản đồ, sổ mục kê						Đối chiếu thông tin thửa đất trên hệ thống bản đồ, sổ mục kê, thông tin quy hoạch theo kết quả trích đo thửa đất (VN2000)							Thực hiện nghĩa vụ tài chính	Ngày, tháng, năm lấy ý kiến khu dân cư	Ngày, tháng, năm niêm yết	Ghi chú
	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích	Ngày cấp GCN QSD đất	Số GCN	Số vào sổ GCN			Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê	Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê	Thông tin quy hoạch				
													Đất ở	Vườn tạp	Khác				Đất ở	Vườn tạp	Khác						
1	Lê Thị Bình	Tổ 6	186 (186M)	3C	196	19/11/2003	S 324411		QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Hộ gia đình nhận khoán	2.161,0			2.161,0	Thửa đất 186, tờ bản đồ 3 canh, năm 1997, loại đất 2 lúa											
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổ 4	80B	04	52,0	11/17/2003	S 110750		QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Trường CIII	1.364,0			1.364,0	Thửa đất 80, tờ bản đồ 4 cư, năm 1997, loại đất XDCBCQ											
3	Trần Đăng Ninh Phạm Thị Uyên	Tổ 5	177A+178B2	3C	32	8/13/2018	CN 765343	CS-HĐO 19439	QĐ 712 QĐ/UB ngày 06/11/2003		Hộ gia đình nhận khoán	1418 1651			1418 1651	Thửa đất 177, 178, tờ bản đồ 3 canh, năm 1997, loại đất 2 lúa											
4	Nguyễn Văn Vượng	Tổ 5	180(5)-1	3	57	10/11/2017	CL 236702	CS-HĐO 13377	QĐ số 501 QĐ/UB ngày 23/7/2003		Hộ gia đình nhận khoán	1.464,0			1.464,0	Thửa đất 180, tờ bản đồ 3 canh, năm 1997, loại đất 2 lúa											Đinh Văn Hòa - Người nhận chuyển nhượng kê khai
5	Vũ Hải Đăng	Tổ 4	176B1	3C	44	3/19/2018	CM 436415	CS-HĐO 16428	QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Hộ gia đình nhận khoán	1.194,0			1.194,0	Thửa đất 176 , tờ bản đồ 3 canh, năm 1997, loại đất 2 lúa											
6	Hoàng Minh Nguyên	Tổ 7	1B2;1B6	05	52	06/6/2018	CN 798579	CS-HĐO 18024	QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Hộ gia đình nhận khoán	5783			5783	Thửa đất 1, tờ bản đồ 5 cư, năm 1997, loại đất Ao xã											Người kê khai - là người nhận chuyển nhượng: Nguyễn Trọng Bằng

7	Nguyễn Tiến Tác (đã chết)	Tổ 4	306E	04	216	11/19/2003	S 110989		QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Hộ gia đình nhận khoán	3345			3345	Thửa đất 306, tờ bản đồ 4 cư, năm 1997, loại đất 2 lúa											Nguyễn Thị Vần - Vợ ông Tác kê khai
8	Đặng Đình Âu Bùi Thị Nhẫn	Tổ 5	362B-1	04	71	8/24/2016	CE 069301	CS-HĐO 05807	QĐ 861/ ngày 19/11/2003		Hộ gia đình nhận khoán	354			354	Thửa đất 362, tờ bản đồ 4 cư, năm 1997, loại đất 2 lúa											

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHÚ LÃM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 5

BIỂU TỔNG HỢP CÁC GCNQSD ĐẤT GHI UBND HUYỆN THANH OAI CẤP NĂM 2002-2003 KHÔNG CÓ TRONG QUYẾT ĐỊNH CẤP GCNQSD ĐẤT, KHÔNG CÓ TRONG SỔ THEO DÕI CẤP GCNQSD ĐẤT; THÔNG TIN TRÊN GCNQSD ĐẤT KHÔNG ĐÚNG VỚI HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, VỊ TRÍ THỬA ĐẤT THỰC TẾ KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THỔ CƯ

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /07/2024 của UBND phường Phú Lãm)

Đơn vị diện tích: m2

TT	Thông tin ghi trong GCNQSD đất								Đối chiếu thông tin ghi trong GCNQSD đất với bản đồ, sổ mục kê						Đối chiếu thông tin thửa đất trên bản đồ, sổ mục kê, thông tin quy hoạch theo kết quả trích đo thửa đất (VN2000)							Thực hiện nghĩa vụ tài chính	Ngày, tháng, năm lấy ý kiến khu dân cư	Ngày, tháng, năm niêm yết	Hiện trạng	Ghi chú
	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Ngày cấp GCN QSD đất	Số GCN	Số vào sổ GCN	Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê	Chủ sử dụng đất	Tổng diện tích	Trong đó			Tờ bản đồ, năm lập bản đồ, sổ mục kê	Thông tin quy hoạch					
											Đất ở	Vườn tạp	Khác				Đất ở	Vườn tạp	Khác						
1	Bùi Tiến Huy	Tổ 4	132A	03	161	9/6/2002	T 638715	1222	Hộ gia đình nhận khoán	1.313,0			1.313,0	Thửa đất 132 , tờ bản đồ 3 canh, năm 1997, loại đất 2 lúa												
2	Trần Thị Thu Thủy	Tổ 5	371A-3	04	44,7	4/9/2018	CM 083297	CS 14720	UB xã	2.026,0			2.026,0	Thửa đất 371, tờ bản đồ 4, năm 1997, loại đất nghĩa địa												
3	Phạm Ngọc Nam	Tổ 5	371A-2	04	44,4	6/5/2018	CN 798478	CS -HĐO 17999	UB xã	2.026,0			2.026,0	Thửa đất 371, tờ bản đồ 4, năm 1997, loại đất nghĩa địa												
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Tổ 5	371A	04	50,7	6/8/2018	CM 084495	CS -HĐO 18074	UB xã	2.026,0			2.026,0	Thửa đất 371, tờ bản đồ 4, năm 1997, loại đất nghĩa địa												
5	Phạm Thành Nam	Tổ 6	199A4	03	45,5	09/7/2009	AP 418713	H-00326	Hộ gia đình nhận khoán	995,0			995,0	Thửa đất 199 , tờ bản đồ 3 canh, năm 1997, loại đất 2 lúa												